

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 446/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27/11/2020

V/v: Chia tài sản chung sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Mai Việt Quốc**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái.

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thảo Ngân** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*  
Bà **Lâm Thị Thanh Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 398/2020/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2020 về việc “Chia tài sản chung sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 434/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 515/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 559/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/9/2020; Quyết định tiếp tục tiến hành phiên tòa số 585/TTPT-HNGĐ ngày 23/10/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 597/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 36, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang. (có mặt)

*Bị đơn:* Ông Đỗ Quốc T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 36, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Đỗ Văn K, sinh năm 1970; (có mặt)

Bà Đỗ Thị Hoa P, sinh năm: 1979; (vắng mặt)

Ông Nguyễn P, sinh năm: 1975; (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1957; (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Trần Thị N, trình bày: Ngày 31/7/2018 Tòa án nhân dân huyện A xét xử ra Bản án số 262/2018/HNGĐ – ST cho bà được ly hôn với ông Đỗ Quốc T. Theo Bản án, bà được tiếp tục nuôi một con chung cháu Đỗ Trần Phương V, sinh năm 2004 và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung bà và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên do các bên không thỏa thuận được nên bà yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, cụ thể : Một căn nhà cấp 4 ngang 3,8m, dài 06m, gắn liền với quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang; 02 cái máy lạnh, 02 tivi, 01 máy giặt, 01 tủ lạnh. Bà đồng ý giao các tài sản này cho ông T

Đối với phần đất có diện tích 22.2 m<sup>2</sup>, phần đất này được cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00100hL ngày 15/5/2005 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp, đứng tên ông Đỗ Quốc T và Trần Thị N. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do bà Nguyễn Thị L (mẹ ông T) đang giữ. Nguồn gốc đất do bà và ông T mua của ông T vào năm 2005. Căn nhà do bà và ông T bỏ tiền xây cất

Bà thống nhất với kết quả định giá của Hội đồng định giá huyện A theo biên bản định giá ngày 20/5/2020, cụ thể: giá trị đất là 660.000 đồng/m<sup>2</sup> và giá trị căn nhà là 37.614.000 đồng. Ngoài ra bà cũng thống nhất với kết quả đo đạc và Bản đồ hiện trạng ngày 24/6/2019 của Văn phòng đăng ký đai chi nhánh A, bà xác định một phần căn nhà đang tranh chấp có xây cất lấn chiếm trên phần đất của ông K, diện tích lấn chiếm bà không rõ nhưng đo đạc đã thể hiện.

Do hiện bà không có nhà để ở nên yêu cầu được nhận căn nhà và nền đất, đồng ý hoàn lại ½ giá trị tiền theo biên bản định giá cho ông T. Bà yêu cầu bà L phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Đối với yêu cầu của ông Đỗ Văn K về việc buộc tháo dỡ căn nhà hoặc ông K sẽ lấy căn nhà và hoàn lại giá trị cho bà và ông T là 70.000.000 đồng thì sẽ tự thỏa thuận.

Bị đơn ông Đỗ Quốc T trình bày: Ông và bà N trước đây là vợ chồng nhưng năm 2018 đã ly hôn bằng Bản án của Tòa án A. Phần đất bà N yêu cầu có nguồn gốc do mẹ ruột ông là bà Nguyễn Thị L cho vào năm 2005, sau đó ông đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông và bà N cùng đứng tên. Về phần căn nhà cũng do mẹ ruột ông bà Nguyễn Thị L xây cất cho vào năm 2009, chưa được cấp quyền sở hữu nhà ở. Ông thừa nhận căn nhà xây cất có lấn qua đất ông K nhưng do đất là của ông bà nội để lại nên không tranh chấp. Vào năm 2017, ông T có thể chấp căn nhà này cho bà V, ông S. Sau đó, chị ruột ông là bà Đỗ Thị Hoa P cùng chồng ông Nguyễn P chuộc lại đất của bà V, ông S. Nay, ông không

đồng ý chia tài sản chung theo yêu cầu của bà T vì đây là tài sản mẹ ruột ông (bà L) mua và xây cất nhà. Hiện nay căn nhà này chị ruột ông là bà P đã nhận thế chấp nên thuộc quyền quản lý của bà P. Ông Thống nhất kết quả định giá của Hội đồng định giá, không có ý kiến.

Bà Trần Thị V và ông Nguyễn Thanh S trình bày: Trước đây ông bà có ý định chuyển nhượng căn nhà của bà N, ông T và có đưa cho ông T 28.000.000 đồng, tuy nhiên do bà N không đồng ý nên việc chuyển nhượng không thành, nay ông T đã trả lại ông bà số tiền 28.000.000 đồng nên ông bà xác định không còn liên quan đến vụ án.

Ông Đỗ Quốc K trình bày: Sau khi đo đạc tranh chấp tài sản giữa bà T, ông T, kết quả đo đạc xác định căn nhà bà N, ông T lấn qua đất ông với diện tích 25,3 m<sup>2</sup>. Phần đất này nằm trong phần đất ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02287 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 04/9/2001 mang tên Đỗ Văn K. Nay ông yêu cầu ông Đỗ Quốc T và bà Trần Thị N phải tháo dỡ phần nhà lấn qua đất của ông, trả lại ông diện tích đất 25,3 m<sup>2</sup>, hoặc chuyển nhượng toàn bộ căn nhà, đất (đã lấn nêu trên) mà bà N, ông T đang tranh chấp cho ông, ông sẽ hoàn lại giá trị tài sản 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) cho ông T, bà N. Ngoài ra theo ông được biết hiện bà Trần Thị V và ông Nguyễn Thanh S và các con đã trả căn nhà đang tranh chấp cho ông T và đi nơi khác sinh sống.

Tòa án đã ra thông báo đưa người liên quan số 897/TB-TLVA ngày 30/9/2020 đưa ông Nguyễn P, bà Đỗ Thị Hoa P, bà Nguyễn Thị L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi liên quan đến vụ án.

Tòa án tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ vào hòa giải nhưng bị đơn và người liên quan vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/10/2020, bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là mẹ ruột của ông Đỗ Quốc T, bà Trần Thị N trước đây là vợ của ông T, hiện nay ông T, bà N đã ly hôn. tài sản tranh chấp giữa bà N, ông T gồm phần đất và căn nhà tọa lạc tại ấp P, xã P, nguồn gốc phần đất này do bà bỏ tiền mua của ông Nguyễn Phước T vào năm 2005, sau khi mua đất thì bà bỏ tiền ra cất nhà cho vợ chồng N, T. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do bà đang giữ. Nay, bà không yêu cầu đòi với tài sản này, chỉ yêu cầu phần tài sản nhà và đất để lại cho cháu nội bà Đỗ Trần Phương V (con ruột N, T). Nếu bà N đồng ý thì bà sẽ đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sang tên cho cháu V. Theo bà biết thì trước đây ông T có thế chấp căn nhà và đất cho ông S, bà V với số tiền khoảng 35.000.000 đồng nhưng Đỗ Thị Hoa P (con ruột của bà) đã trả số tiền này cho ông S, bà V. Hiện nay bà P cùng chồng ông Nguyễn P hiện đi làm ăn, không có ở nhà.

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Nguyễn P và bà Đỗ Thị Hoa P thì xác định ông P, bà P vẫn còn hộ khẩu thường trú tại địa phương.

Tòa án tiến hành trích lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00100hL ngày 15/5/2005 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp, đứng tên tên Đỗ Quốc T

và Trần Thị N thể hiện: Ngày 16/6/2005, ông Nguyễn Phước T và bà Lý Thị Bé P lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Quốc T, bà Trần Thị N, diện tích chuyển nhượng 22.20 m<sup>2</sup>, loại đất ONT, thửa số 23, tờ bản đồ số 1. Giá chuyển nhượng 30.000.000 đồng.

Tòa án tiến hành xem xét thẩm định, đo đạc, định giá, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Theo bản vẽ hiện trạng ngày 24/6/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh A thể hiện: Các điểm 12, 19, 13, 14, 20, 21 là các góc ranh thửa đất số 23, tờ bản đồ số 1, diện tích 22,2 m<sup>2</sup> thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00100hL, do Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 15/8/2005 mang tên Đỗ Quốc T và Trần Thị N.

Theo Biên bản định giá ngày 10/5/2019 giá đất thô cư theo giấy Chứng nhận QSD đất số H00100HL do UBND huyện A cấp ngày 15/8/2005 do ông Đỗ Quốc T và bà Trần Thị N đứng tên QSD đất có giá 660.000 đ/m<sup>2</sup>. Diện tích đất theo giấy chứng nhận là 22,2 m<sup>2</sup>, giá 14.652.000 đồng; giá trị nhà 37.614.000 đồng. Tổng giá trị đất và nhà 52.266.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà N thay đổi và rút lại rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà chỉ yêu cầu nhận nhà và đất, hoàn lại 1/2 giá trị tài sản cho ông T. Rút lại yêu cầu chia đôi với 02 cái máy lạnh, 02 ti vi, 01 máy giặt, 01 tủ lạnh. Bà xác định nhà và đất do bà và ông T bỏ tiền ra mua và xây cất, không phải tiền của bà L.

Ông Khanh trình bày: Ông xin rút lại yêu cầu phản tố, tự thỏa thuận với bà N.

Bị đơn ông T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà P, ông P, bà L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với nhà và đất. Bà N được nhận nhà và đất, bà N hoàn lại ½ giá trị cho ông . Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản của bà N đối với tài sản: 02 cái máy lạnh, 02 ti vi, 01 máy giặt, 01 tủ lạnh. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông K. Buộc bà L có có trách nhiệm trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N để bà N sang tên theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn bà Trần Thị N yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn với ông Đỗ Quốc T. Xác định quan hệ tranh chấp là: “*Yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn*”, đây là tranh chấp dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về sự vắng mặt của đương sự:* Ông T, Bà P, ông P, bà L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tư cách tham gia tố tụng:* Bà N yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn với ông T, xác định bà N là nguyên đơn, ông T là bị đơn.

Ông K đơn yêu cầu độc lập, do căn nhà của bà N, ông T xây cất dính một phần qua đất của ông nên đưa ông K vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Bà V, ông S, cháu P, cháu P sinh sống trên căn nhà sau khi nhận thuê lại căn nhà nên Tòa án xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai ngày 03/10/2019 ông S, bà V trình bày: Ông T có thể chấp căn nhà và đất cho ông bà với số tiền 28.000.000 đồng. Việc thế chấp này do ông T thực hiện, không có ý kiến của bà N. Ngày 01/7AL/2019, ông T đã trả đủ cho ông bà số tiền 28.000.000 đồng nên ông bà yêu cầu không liên quan đến vụ án. Ngày 30/9/2020, Tòa án đã ra thông báo đưa người liên quan số 897/TB-TLVA và xác định bà V, ông S, cháu P, cháu P không còn liên quan đến vụ án

Bà Đỗ Thị Hoa P và ông Nguyễn P đã trả tiền cho ông S, bà V để chuộc lại nhà. Bà N cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà L (mẹ ruột ông T) đang giữ. Do đó, Tòa án đưa bà P, ông P, bà L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[4] *Về nội dung tranh chấp:*

Bà N yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn với ông Đỗ Quốc T, tài sản gồm: 01 một căn nhà cấp 4, gắn liền với quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang. Quyền sử dụng đất có diện tích ngang 3,8 m x dài 6 m đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00100hL ngày 15/5/2005 mang tên Đỗ Quốc T và Trần Thị N.

Ông T xác định phần đất do mẹ ruột ông là bà L cho vào năm 2005, bà L cũng xây cất nhà cho ông và bà N ở vào năm 2009. Bà L cho rằng phần đất này bà đã mua của ông Nguyễn Phước T vào năm 2005. Bà N cho rằng do bà và ông T mua của ông T. Ông T, bà L không có căn cứ chứng minh phần đất này của bà L.

Lời trình bày của bà N phù hợp với hồ sơ trích lục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00100hL ngày 15/5/2005 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp, đứng tên tên Đỗ Quốc T và Trần Thị N thể hiện: Ngày 16/6/2005, ông Nguyễn Phước T và bà Lý Thị Bé P lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Quốc T, bà Trần Thị N, diện tích chuyển nhượng 22.20 m<sup>2</sup>, loại đất ONT, thửa số 23, tờ bản đồ số

1. Giá chuyển nhượng 30.000.000 đồng. Do đó có đủ căn cứ xác định phần đất có diện tích 22.2 m<sup>2</sup> là tài sản chung của bà N, ông T trong thời kỳ hôn nhân.

Đối với căn nhà cấp bốn có diện tích ngang 3,8m x dài 06m. Bà N xác định là tài sản chung của bà với ông T. Ông T, bà L xác định căn nhà này của bà L. Xét thấy thời kỳ hôn nhân giữa bà N và ông T được xác lập từ năm 1999 đến năm 2018. Ông T, bà L cho rằng căn nhà này nhà và đất của bà L nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Do đó có đủ căn cứ để xác định đây là tài sản chung của bà N và ông T trong thời kỳ hôn nhân.

Việc bà L yêu cầu tài sản nhà và đất để lại cho cháu V (con ruột bà N, ông T) nhưng không được bà N đồng ý nên không xem xét.

Bà N và ông T đều thống nhất giá của hội đồng định giá ngày 10/5/2019. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ và kết quả định giá ngày 10/5/2019 để giải quyết vụ án. Tổng giá trị tài sản tranh chấp đất và nhà là 52.266.000 đồng. Hiện ông T không sinh sống trên căn nhà và phần đất tranh chấp mà có chỗ ở khác, do đó Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao đất và nhà cho bà N, bà N hoàn lại 50% giá trị tài sản cho ông T 26.133.000 đồng.

Bà V, ông S đã nhận lại số tiền 28.000.000 đồng đưa cho ông T nên Tòa án ra văn bản xác định bà V, ông S không còn, liên quan đến vụ án.

Đối với yêu cầu độc lập của ông K. Tại phiên tòa, ông K xác định rút lại yêu cầu độc lập và tự thỏa thuận với bà N, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của các đương sự, đình chỉ yêu cầu độc lập của ông K.

Ông T, bà L cho rằng bà P, ông P đã trả tiền cho ông S, bà V để chuộc lại căn nhà và đất. Tòa án đưa bà P, ông P vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Trong quá trình giải quyết, bà P, ông P vắng mặt các lần công khai chứng cứ, hòa giải nên không ghi nhận được ý kiến của bà P, ông P nên không xem xét. Nếu sau này, bà P, ông P có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc chia tài sản chung sau ly hôn với ông Đỗ Quốc T và đình chỉ yêu cầu độc lập của ông K.

Về án phí:

Bà N, ông T phải chịu án phí đối với phần tài sản được nhận. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông K.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, Điều 217, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463 Bộ Luật Dân 2015.

Căn cứ Điều 33, Điều 59, Điều 60 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

**Xử:**

Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản của bà Trần Thị N đối với tài sản gồm: 2 cái máy lạnh, 02 ti vi, 01 máy giặt, 01 tủ lạnh.

Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của bà Trần Thị N.

Bà N được sở hữu 01 căn nhà cấp bốn diện tích ngang 3,8m x dài 06m tọa lạc tại ấp P, xã P huyện An Phú, tỉnh An Giang gắn liền với nền đất tại các điểm 12, 19, 13, 14, 20, 21 là các góc ranh thửa đất số 23, tờ bản đồ số 1, diện tích 22,2 m<sup>2</sup> thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00100hL, do Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 15/8/2005 mang tên Đỗ Quốc T và Trần Thị N theo bản vẽ hiện trạng ngày 24/6/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh A.

Bà Trần Thị N có trách nhiệm hoàn lại giá trị căn nhà cho ông T với số tiền 26.133.000 (Hai mươi sáu triệu) đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00100hL, do Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 15/8/2005 mang tên Đỗ Quốc T và Trần Thị N cho bà N để làm thủ tục sang tên theo quy định.

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Đỗ Văn K về việc ông K yêu cầu ông T, bà N phải tháo dỡ phần nhà lấn qua đất của ông có diện tích 25,3 m<sup>2</sup> hoặc chuyển nhượng tòa bộ căn nhà và đất cho ông.

*Về án phí:* Bà N chịu 1.306.000 (Một triệu ba trăm lẻ sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ 1.375.000 (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010929 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, bà N được nhận 69.000 (Sáu mươi chín nghìn) đồng.

Ông T chịu 1.306.000 (Một triệu ba trăm lẻ sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông Đỗ Văn K số tiền 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0011822 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/11/2020) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- Lưu vp
- Lưu hs

**Mai Việt Quốc**